

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Khoa

Ông Nguyễn Hữu Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 347/2020/TLST-HN ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Hồ Thị Hồng S, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp LS, xã ĐM, huyện CL, tỉnh TV.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện CL, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17-9-2020 và bản tự khai ngày 09-11-2020 nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng S trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn C được sự mai mối và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 1995 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6-2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt nên bà đã bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột ở từ đó sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 10-10-1997, hiện con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 03-11-2020 bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông với bà Hồ Thị Hồng S có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn do ông nghĩ hôn nhân đã hợp pháp, lúc cưới có cho nữ trang nhưng không nhớ bao nhiêu, hiện nay bán tiêu xài nên không còn. Sau khi cưới vợ chồng hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do phát sinh từ tiền bạc tiêu xài không rõ ràng nên bà S bỏ nhà đi, khi ông bệnh bà S cũng không quan tâm lo bệnh cho ông. Ông thấy rằng, còn thương vợ nên muốn bà S về sống đoàn tụ với ông, nếu bà S cương quyết xin ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 10-10-1997, hiện con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, căn cứ Điều 28 và Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh TV.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 1995, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán tại địa phương, bà S và ông C đều khai nhận là hai bên không đi đăng ký kết hôn vì nghĩ rằng hôn nhân sau khi tổ chức đám cưới là hợp pháp. Như vậy, có cơ sở kết luận bà S và ông C từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa bà S và ông C không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông C đã ly thân nhau từ tháng 6-2013 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau như mới cưới nhau về sống chung. Hiện nay, bản thân bà S xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C. Về phía ông C, cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, ông mong muốn bà S quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mời ông C

nhiều lần nhằm để động viên cho vợ chồng về hàn gắn, sống đoàn tụ để đến cơ quan pháp luật đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông C đều vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy, ông C không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm giữa ông C với bà S thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C xác nhận con chung tên Nguyễn Thị Hồng Gấm, sinh ngày 10-10-1997 đã trưởng thành, nên bà S và ông C không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ: Bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Hồ Thị Hồng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng S.

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về con chung: tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 10-10-1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ: Bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi tranh chấp các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Về án phí: Bà Hồ Thị Hồng S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003673 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Do đó bà S đã nộp xong.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà Hồ Thị Hồng S với ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Huỳnh Liêm